FireAnt

CTCP Hóa - Dược phẩm Mekophar (UPCOM: MKP)

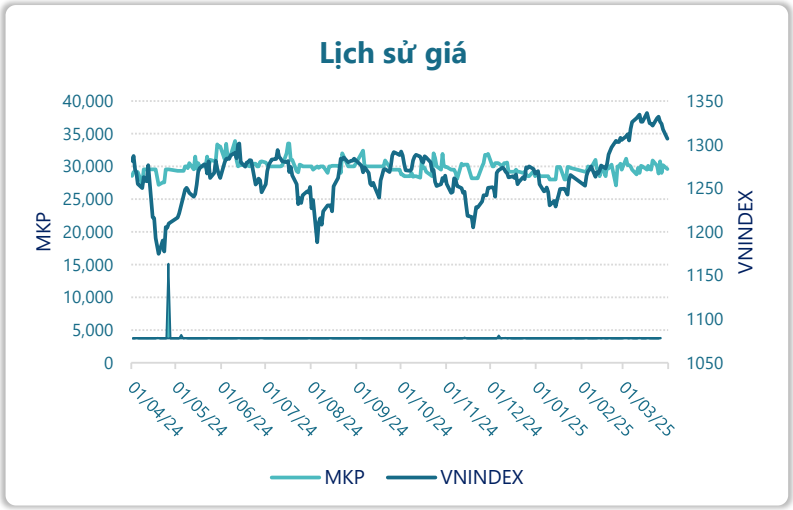

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**29,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,100
SL cổ phiếu LH	25,268,221
KLGD BQ 20 phiên (CP)	64,155
% sở hữu nước ngoài	15.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	748
P/E	51.3
EPS	577

DT thuần

Q1/25

230

tỷ VNĐ

QoQ: ▼15.0| -6.3%

YoY: ▼15.0| -6.3%

LN sau thuế

Q1/25

-13.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼42.4| -147%

YoY: ▼27.7| -195%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

5.8%

+/- YoY: ▲ 0.9%

DT thuần

2024

920

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.0| 1.6%

LN sau thuế

2024

40.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.7| 62.4%

ROE

2024

3.2%

+/- YoY: ▲ 1.2%

Kết quả kinh doanh

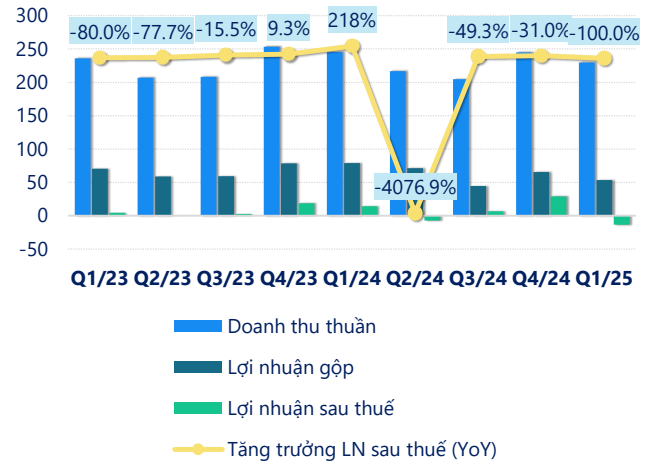

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

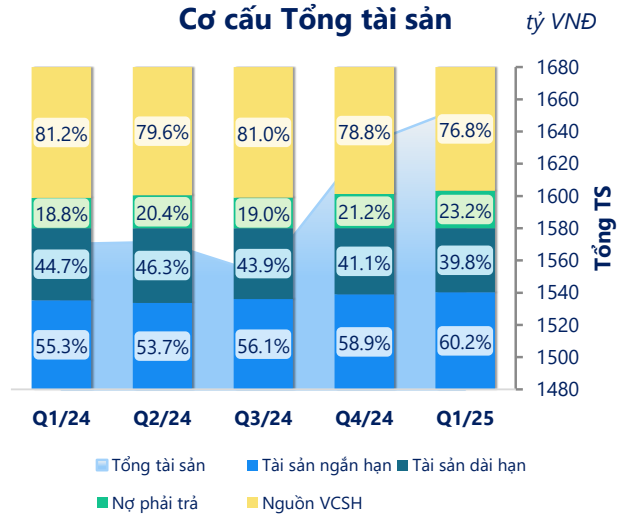

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

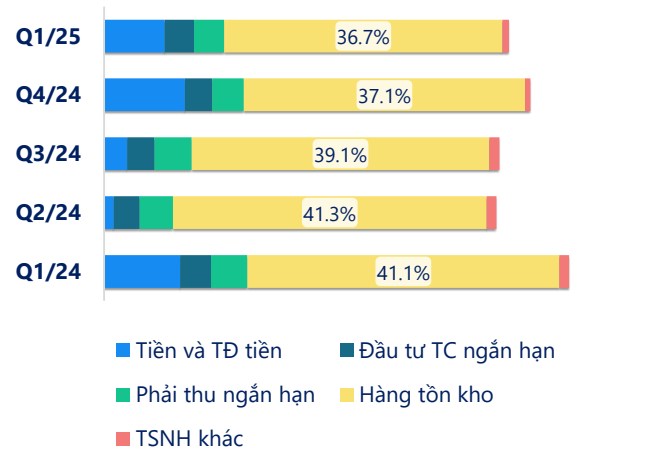

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

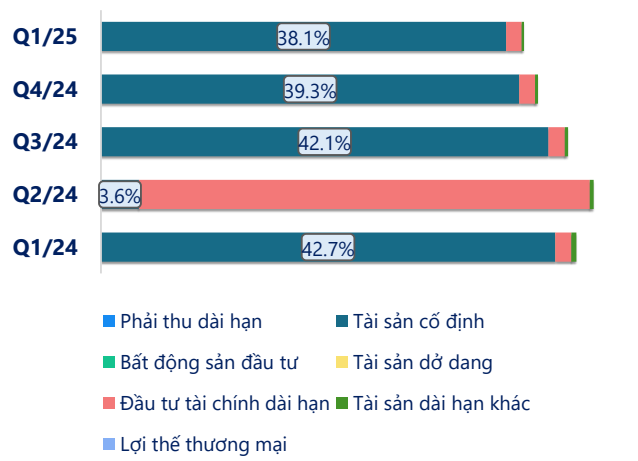

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

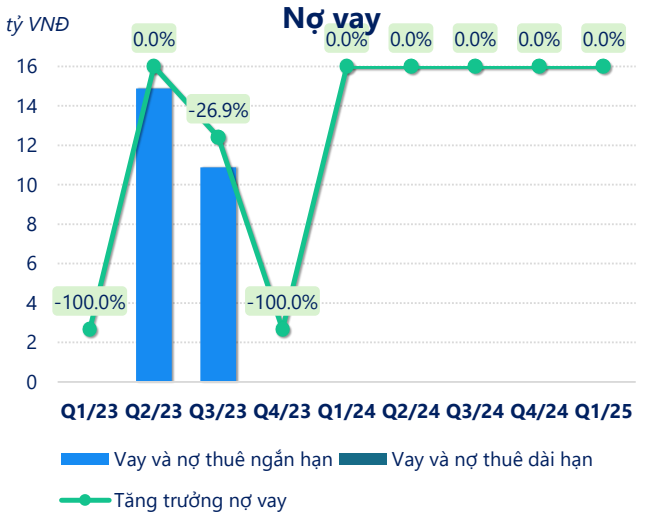

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

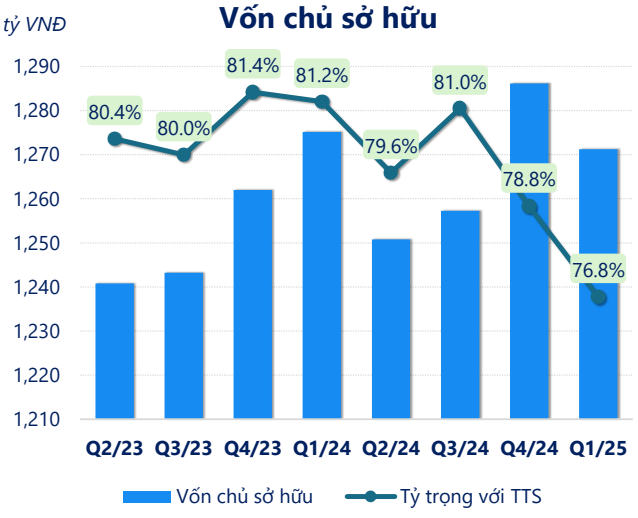

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

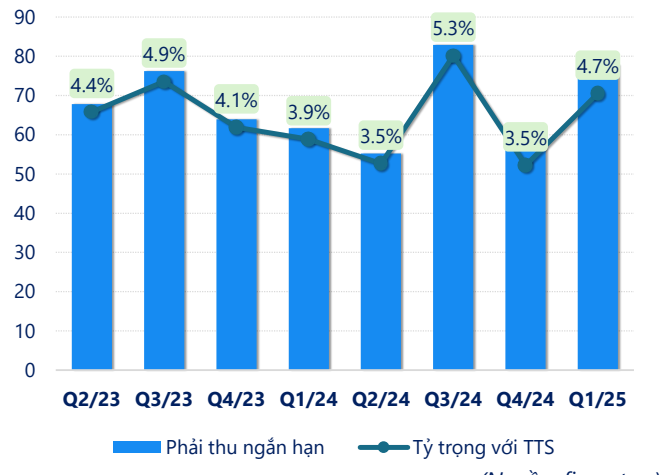

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

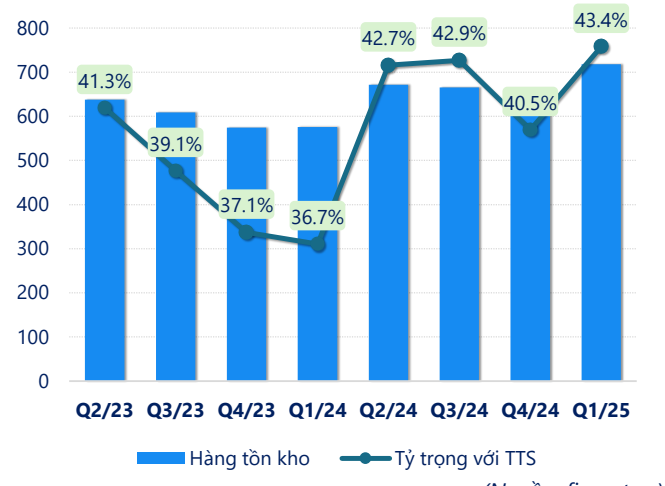

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

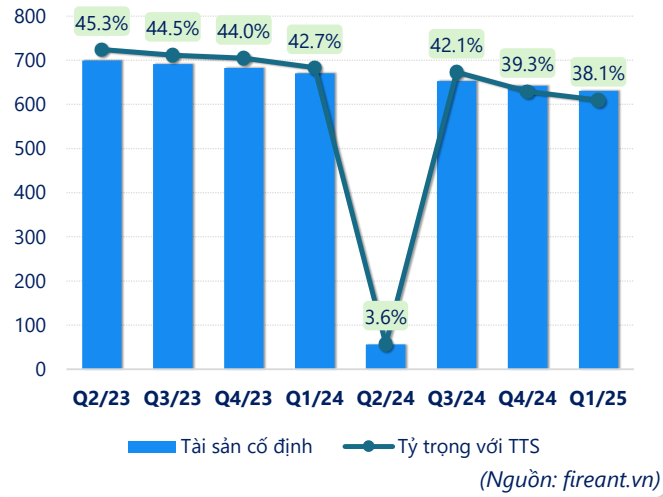

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

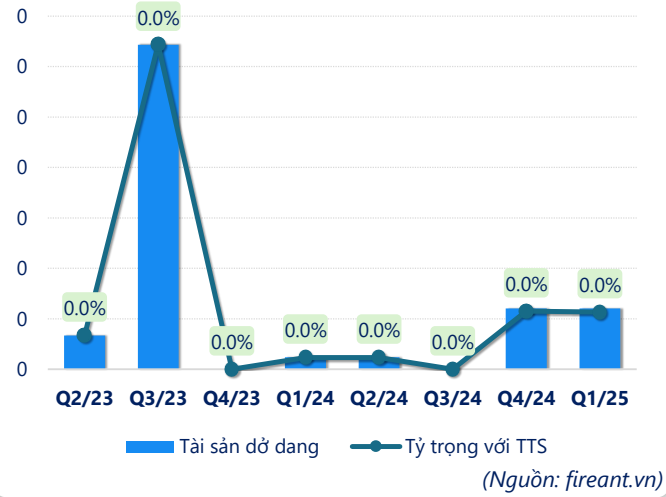

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

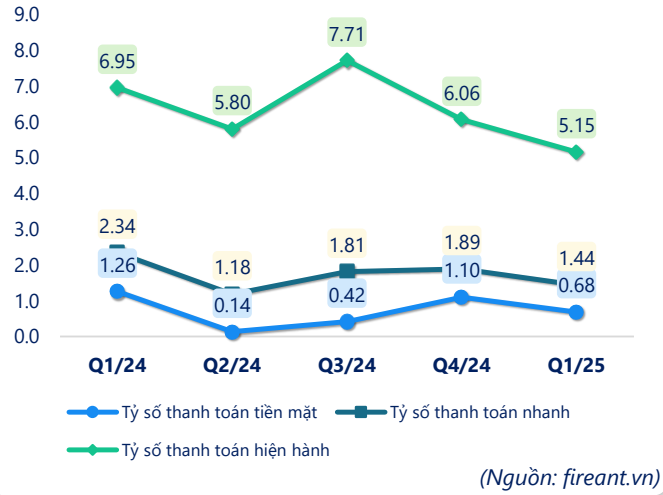

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

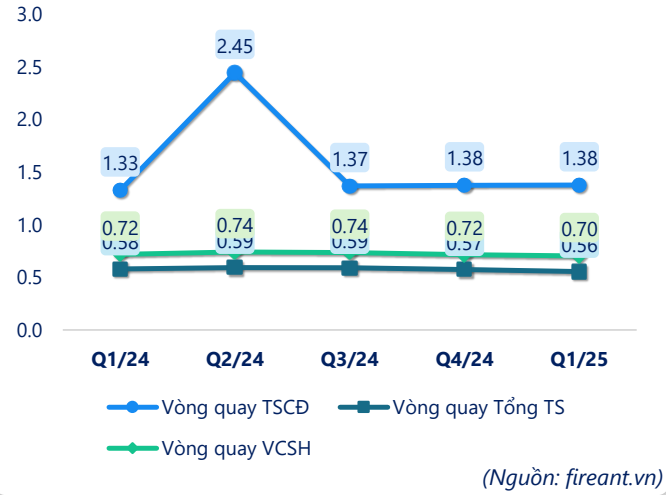

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,570**	**1,572**	**1,551**	**1,632**	**1,656**
Tài sản ngắn hạn	**868**	**844**	**870**	**961**	**997**
Tiền và tương đương tiền	157	19.7	47.2	174	132
Đầu tư tài chính ngắn hạn	60.9	90.9	60.9	55.9	50.9
Phải thu ngắn hạn	61.6	55.2	82.9	56.8	77.8
Hàng tồn kho	576	672	666	661	718
Tài sản ngắn hạn khác	13.3	6.21	13.3	13.2	17.9
Tài sản dài hạn	**702**	**728**	**681**	**670**	**659**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	671	56.2	653	642	631
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.00	0.00	0	0.00	0.00
Đầu tư tài chính dài hạn	24.1	666	24.1	24.1	24.1
Tài sản dài hạn khác	7.10	5.39	4.67	4.37	3.92
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**295**	**321**	**294**	**345**	**385**
Nợ ngắn hạn	**125**	**145**	**113**	**159**	**193**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	26.8	68.5	22.5	64.2	102
Nợ dài hạn	170	175	181	187	191
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,275**	**1,251**	**1,257**	**1,286**	**1,271**
Vốn chủ sở hữu	**1,275**	**1,251**	**1,257**	**1,286**	**1,271**
Vốn điều lệ	255	255	255	255	255
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)